



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 2966/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 24/09/2025 Trang/ Page: 1/4
---------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: <i>Customer:</i>	CÔNG TY TNHH TRUNG KIÊN	
2. Địa chỉ thử nghiệm: <i>Place of testing:</i>	PTN – Công ty CP Kiểm Định và Thí Nghiệm Điện Miền Nam	
3. Đối tượng thử nghiệm: <i>Type of testing:</i>	Tủ tụ bù hạ thế 340kVAr	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: <i>Quantity/Installation location:</i>	01 Tủ	
5. Phương pháp thử nghiệm: <i>Method of testing:</i>	TN/QT-26; TCVN 8083-1:2009; IEC60358-1:2012; Tài liệu NSX/ <i>Manufacturer's documentation.</i>	
6. Thời gian thực hiện: <i>Inspection Date:</i>	23/09/2025	
7. Thông số kỹ thuật: <i>Specification:</i>	Loại/ <i>Type:</i>	Tủ tụ bù hạ thế 340kVAr
	Điện dung/ <i>Capacitance:</i>	10x(3x164.5)+2x(3x114) μ F
	Dung lượng tủ/ <i>Capacitor capacity:</i>	(10x30 + 2x20) kVAr
	Điện áp/ <i>Rated voltage:</i>	440 (V)
	Kích thước/ <i>Size:</i>	(1.100x700x500)mm
	Năm sản xuất/ <i>Date of manufacture:</i>	2025
8. Phương tiện thử nghiệm: <i>Testing equipment:</i>	Kyoritsu 3125A (Thailand); HLY-200C; AC UTQ1; DTE-50/70; UT603; Fluke 287C.	
	9. Điều kiện môi trường: <i>Environmental conditions:</i>	
10. Kết quả thử nghiệm: <i>Testing result:</i>	(32 $\pm$ 2) $^{\circ}$ C ; (60 $\pm$ 5) % RH	
	11. Tem thử nghiệm: <i>Testing stamp No:</i>	
12. Kết luận <i>Conclusion</i>	2030/25/ETSC	
	Các hạng mục thí nghiệm của 01 tủ tụ bù nêu trên hoạt động bình thường/ <i>The above 01 capacitors test items are in normal operation</i>	

Người Thực Hiện

Executor

Nguyễn Đức Tiến Luyện

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Quốc Hoàn





Số/ No: 2966/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 24/09/2025 Trang/ Page: 2/4
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1/Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check: Không phát hiện bất thường/ Pass.

Tên chỉ tiêu Content	Mức quy định cho phép The level of provisions allowing	Kết quả thử nghiệm/ Result	Đánh giá Assess
Vệ sinh, quan sát bên ngoài Hygiene, outside observation	Thiết bị còn nguyên vẹn, không bị nứt hay hư hỏng các bộ phận cách điện, dẫn điện The equitment remains intact, electrical conductors and insulators are not cracked or damaged.	Còn tốt/ Good	Đạt/ Pass
Thao tác chọn các chức năng bằng tay Manually select the functions manually		Thao tác tốt/ Good	Đạt/ Pass

10.2 Đo điện trở cách điện của tủ/ Insulation resistance measurement of cabinet:

Stt No	Đối tượng đo Items	Mức quy định Standard level (MΩ)	Kết quả Result (MΩ)	Đánh giá Evaluate
01	Phase A - (B+C+N+Vỏ)	≥ 2,0	500	Đạt/ Pass
02	Phase B - (C+A+N+Vỏ)	≥ 2,0	500	Đạt/ Pass
03	Phase C - (B+A+N+Vỏ)	≥ 2,0	500	Đạt/ Pass

10.3 Thử nghiệm máy cắt điện hạ thế/ Check for MCCB:

Stt No	Điện trở cách điện (MΩ)/ <i>Insulation resistance</i>		Điện trở tiếp xúc (μΩ) <i>Contact resistance</i>				U _{test/time}	Đóng cắt <i>Close-Open</i>	Đánh giá <i>Evaluate</i>
	Close	Open	Phase A	Phase B	Phase C	Phase N			
MCCB: LS ABN 63c, 3P, 690V, 60A									
01	> 200	> 200	124	126	128	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
02	> 200	> 200	125	128	124	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
03	> 200	> 200	131	124	122	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
04	> 200	> 200	129	122	120	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
05	> 200	> 200	123	125	124	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
06	> 200	> 200	126	125	126	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
07	> 200	> 200	129	127	130	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
08	> 200	> 200	124	125	125	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
09	> 200	> 200	132	130	129	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
10	> 200	> 200	127	125	124	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>

Số/ No: 2966/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 24/09/2025 Trang/ Page: 3/4
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.3 Thử nghiệm máy cắt điện hạ thế/ Check for MCCB:

Stt No	Điện trở cách điện (MΩ)/ <i>Insulation resistance</i>		Điện trở tiếp xúc (μΩ) <i>Contact resistance</i>				U _{test/time}	Đóng cắt <i>Close-Open</i>	Đánh giá <i>Evaluate</i>
	Close	Open	Phase A	Phase B	Phase C	Phase N			
MCCB: LS ABN 53c, 3P, 690V, 40A									
11	> 200	> 200	134	136	134	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
12	> 200	> 200	135	138	137	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>

10.4 Thử nghiệm Contactor/ Check for Contactor:

Stt No	Điện trở cách điện (MΩ)/ Insulation resistance		Điện trở tiếp xúc (μΩ) Contact resistance				U _{test} /time	Đóng cắt Close-Open	Đánh giá Evaluate
	Close	Open	Phase A	Phase B	Phase C	Phase N			
Contactor: MC 50a - 3P, 220V, 50A, 50Hz									
01	> 200	> 200	124	122	125	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
02	> 200	> 200	131	129	128	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
03	> 200	> 200	126	127	127	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
04	> 200	> 200	130	129	128	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
05	> 200	> 200	131	133	133	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
06	> 200	> 200	134	135	134	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
07	> 200	> 200	130	132	129	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
08	> 200	> 200	128	130	129	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
09	> 200	> 200	129	128	131	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
10	> 200	> 200	131	132	134	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
Contactor: MC 32a - 3P, 220V, 32A, 50Hz									
11	> 200	> 200	143	140	142	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
12	> 200	> 200	140	139	141	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CERTIFICATE OF TESTING

Ngày/ Date: 24/09/2025
Trang/ Page: 4/4

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.5 Thử nghiệm Tự/ Check for Capacitor:

Stt No	Điện trở cách điện (MΩ) Insulation resistance	Điện dung (μF) Capacitance			Đánh giá Evaluate
		Phase AB	Phase BC	Phase CA	
Capacitor CAP/30/440SUN: 3P - 30kVAr, 440V, 50Hz					
01	> 200	159	160	163	Đạt/ Pass
02	> 200	160	163	161	Đạt/ Pass
03	> 200	162	159	162	Đạt/ Pass
04	> 200	159	163	159	Đạt/ Pass
05	> 200	164	164	165	Đạt/ Pass
06	> 200	161	162	159	Đạt/ Pass
07	> 200	165	165	164	Đạt/ Pass
08	> 200	163	162	165	Đạt/ Pass
09	> 200	166	164	165	Đạt/ Pass
10	> 200	164	163	165	Đạt/ Pass
Capacitor CAP/20/440SUN: 3P - 20kVAr, 440V, 50Hz					
11	> 200	114	113	112	Đạt/ Pass
12	> 200	112	114	110	Đạt/ Pass